

BẢN TIN PHÁP LUẬT
THÁNG 8/2025

MỤC LỤC

A-VĂN BẢN MỚI CỦA NHÀ NƯỚC

- Nghị định 188/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Bảo hiểm y tế
- Nghị định 212/2025/NĐ-CP hướng dẫn hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp
- Thông tư 68/2025/TT-BTC về Biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành
- Thông tư 69/2025/TT-BTC hướng dẫn Luật Thuế giá trị gia tăng và hướng dẫn thực hiện Nghị định 181/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế giá trị gia tăng do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành

B-CÁC CÔNG VĂN HƯỚNG DẪN GIẢI ĐÁP

- Công văn 2541/CT-CS của Cục Thuế về chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp
- Công văn 6902/VPCP-KSTT của Văn phòng Chính phủ về việc thực hiện một số thủ tục hành chính liên quan đến xuất khẩu, đầu tư, sản xuất, kinh doanh được phân cấp cho địa phương
- Công văn 2639/CT-CS của Cục Thuế về chính sách thuế giá trị gia tăng
- Công văn 15028/CHQ-NVTHQ của Cục Hải quan về việc thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa nhập khẩu để xây dựng doanh nghiệp chế xuất
- Công văn 16946/CHQ-GSQL năm 2025 về thủ tục hải quan đối với hàng hóa mua bán, thuê, mượn giữa doanh nghiệp nội địa và doanh nghiệp chế xuất do Cục Hải quan ban hành
- Công văn 11744/BTC-QLKT năm 2025 tổ chức bộ máy kế toán và đăng ký chữ ký kế toán trưởng của đơn vị tại Kho bạc Nhà nước do Bộ Tài chính ban hành



A - VĂN BẢN MỚI CỦA NHÀ NƯỚC



Ngày 01/7/2025, Chính phủ ban hành Nghị định 188/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Bảo hiểm y tế, trong đó có hướng dẫn mức đóng bảo hiểm y tế với người lao động và người sử dụng lao động (doanh nghiệp).

Hướng dẫn mức đóng bảo hiểm y tế với người lao động và doanh nghiệp

Cụ thể, mức đóng BHYT do người sử dụng lao động đóng hoặc người lao động đóng hoặc cùng đóng được quy định như sau:

- Mức đóng hằng tháng của đối tượng quy định tại các điểm a, c, d và e khoản 1 Điều 12 của Luật Bảo hiểm y tế bằng 4,5% tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, trong đó người sử dụng lao động đóng hai phần ba và người lao động đóng một phần ba;
- Mức đóng hằng tháng của đối tượng quy định tại các điểm b và đ khoản 1 Điều 12 của Luật Bảo hiểm y tế bằng 4,5% tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và do đối tượng đóng;
- Mức đóng hằng tháng của đối tượng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 12 của Luật Bảo hiểm y tế bằng 4,5% mức lương cơ sở, trong đó người sử dụng lao động đóng hai phần ba và người lao động đóng một phần ba;
- Mức đóng hằng tháng của đối tượng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 12 của Luật Bảo hiểm y tế bằng 4,5% tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, trong đó người sử dụng lao động đóng hai phần ba và người lao động đóng một phần ba;
- Mức đóng hằng tháng của đối tượng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 12 của Luật Bảo hiểm y tế bằng 4,5% mức lương cơ sở và do người sử dụng lao động của công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ trong quân đội, người sử dụng lao động của công nhân công an đang công tác trong công an nhân dân đóng;
- Mức đóng hằng tháng của đối tượng 5 ở trên bằng 4,5% mức lương cơ sở và do người sử dụng lao động của người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu theo quy định của pháp luật về cơ yếu đóng;



- Người lao động là cán bộ, công chức, viên chức đang trong thời gian bị tạm giữ, tạm giam, tạm đình chỉ công tác hoặc tạm đình chỉ chức vụ mà chưa bị xử lý kỷ luật thì mức đóng hàng tháng bằng 4,5% của 50% mức tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của người lao động của tháng liền kề trước khi bị tạm giam, tạm giữ hoặc tạm đình chỉ theo quy định của pháp luật, trong đó người sử dụng lao động đóng hai phần ba và người lao động đóng một phần ba.

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền kết luận là không vi phạm pháp luật, người sử dụng lao động và người lao động phải truy đóng bảo hiểm y tế trên số tiền lương được truy lĩnh.

Quy định về mức đóng BHYT nêu trên có hiệu lực từ ngày 01/7/2025.

Xem thêm nội dung tại Nghị định 188/2025/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 15/8/2025.

Ngày 25/7/2025, Chính phủ ban hành Nghị định 212/2025/NĐ-CP quy định chi tiết hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong đó có quy định về phương án đầu tư hằng năm của các quỹ bảo hiểm.

Phương án đầu tư hằng năm từ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế

Theo đó, quy định phương án đầu tư hằng năm từ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp như sau:

(1) Căn cứ chiến lược đầu tư dài hạn, quy định của Luật Bảo hiểm xã hội 2024, Luật Bảo hiểm y tế 2008, Luật Việc làm 2025, các quy định tại Nghị định 212/2025, tình hình thu, chi quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp hằng năm và tình hình thị trường, Bảo hiểm xã hội Việt Nam xây dựng phương án đầu tư hằng năm từ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trình Hội đồng quản lý thông qua để tổ chức thực hiện.



(2) Phương án đầu tư hằng năm bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- Đánh giá tình hình thực hiện hoạt động đầu tư năm trước, ước thực hiện đầu tư năm nay, chi tiết theo từng quỹ bao gồm các chỉ tiêu cơ bản sau: Số dư đầu tư đầu năm, số tiền đầu tư, số tiền thu hồi gốc, số tiền sinh lời thu được phân bổ đến thời điểm báo cáo và ước thực hiện trong năm; tổng số tiền sinh lời, việc sử dụng tiền sinh lời; nhận xét, đánh giá, kiến nghị về kết quả thực hiện so với phương án đầu tư đã được phê duyệt; nguyên nhân khách quan/chủ quan trong trường hợp không đạt được phương án đầu tư; việc trích lập dự phòng rủi ro, số dư quỹ dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng rủi ro;

- Dự kiến phương án đầu tư trong năm kế hoạch, gồm các nội dung sau:

+ Nguyên tắc đầu tư;

+ Dự kiến mục tiêu đầu tư cụ thể trong năm: tổng mức đầu tư, tỷ trọng số dư đầu tư vào trái phiếu Chính phủ so với số dư tổng danh mục đầu tư của Bảo hiểm xã hội Việt Nam tính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch, dự kiến tỷ lệ sinh lời bình quân danh mục đầu tư;

+ Tổng mức đầu tư, danh mục các sản phẩm đầu tư trong năm; phương thức đầu tư theo từng quỹ thành phần bao gồm số dư đầu tư đầu năm, số tiền đầu tư trong năm, số tiền thu hồi gốc trong năm, số dư đầu tư cuối năm, dự kiến số tiền sinh lời trong năm và kế hoạch sử dụng số tiền sinh lời trong năm;

+ Các nội dung khác theo yêu cầu quản lý của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

(3) Phương án đầu tư hằng năm không bao gồm tiền gửi có kỳ hạn theo phương thức chuyển tiền tự động phát sinh trên các tài khoản phản ánh thu, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, chỉ tổ chức và hoạt động của bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

(4) Bảo hiểm xã hội Việt Nam trình Hội đồng quản lý phương án đầu tư trước ngày 30 tháng 10 của năm liền kề trước năm kế hoạch. Hội đồng quản lý thông qua phương án đầu tư trước ngày 31 tháng 12 năm liền kề trước năm kế hoạch.

(5) Trên cơ sở phương án đầu tư hằng năm được thông qua, Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành kế hoạch đầu tư hằng tháng chậm nhất vào ngày 27 của tháng trước liền kề để thực hiện.

(6) Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp phải điều chỉnh phương án đầu tư hằng năm, Bảo hiểm xã hội Việt Nam báo cáo Hội đồng quản lý xem xét, thông qua.

Xem thêm Nghị định 212/2025/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 25/7/2025.



Ngày 01/7/2025, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư 68/2025/TT-BTC về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh.

Ban hành 80 biểu mẫu về đăng ký doanh nghiệp và 28 biểu mẫu về đăng ký hộ kinh doanh
Theo đó, ban hành 80 biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp và 28 biểu mẫu sử dụng trong đăng ký hộ kinh doanh từ 01/7/2025.

Áp dụng cho các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 về đăng ký doanh nghiệp, bao gồm:

- Tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- Doanh nghiệp.
- Hộ kinh doanh.
- Cơ quan đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan được giao thẩm quyền quản lý nhà nước về lao động theo quy định của Bộ luật Lao động.
- Cơ quan bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.
- Cơ quan quản lý thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế.
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến việc đăng ký doanh nghiệp, đăng ký và hoạt động của hộ kinh doanh.



* 80 biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 68/2025/TT-BTC , đơn cử:

- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp - Doanh nghiệp tư nhân;
- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp - Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;
- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp - Công ty cổ phần;
- Giấy đề nghị đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật;
- kê khai thông tin để xác định chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp.

* 28 biểu mẫu sử dụng trong đăng ký hộ kinh doanh quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 68/2025/TT-BTC , đơn cử:

- Giấy đề nghị đăng ký hộ kinh doanh;
- Giấy đề nghị Giấy đề nghị đăng ký tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký của hộ kinh doanh;
- Thông báo về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh;
- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;
- Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (Dùng trong trường hợp cấp lại do mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác).

Xem thêm chi tiết tại Thông tư 68/2025/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01/7/2025.



Ngày 01/7/2025, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư 69/2025/TT-BTC quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng và hướng dẫn thực hiện Nghị định 181/2025/NĐ-CP

Theo đó, hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam:

- Dịch vụ hoặc dịch vụ gắn với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng do Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài cung cấp trên cơ sở hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng tại Việt Nam (trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư 69/2025/TT-BTC) mà các dịch vụ này được cung cấp tại Việt Nam và tiêu dùng tại Việt Nam.



- Dịch vụ hoặc dịch vụ gắn với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng do Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài cung cấp trên cơ sở hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng tại Việt Nam (trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư 69/2025/TT-BTC) mà các dịch vụ này được cung cấp ngoài Việt Nam và tiêu dùng tại Việt Nam.

- Trường hợp hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng dưới hình thức: điểm giao nhận hàng hóa nằm trong lãnh thổ Việt Nam (trừ trường hợp quy định tại điểm k khoản 2 Điều 9 Thông tư 69/2025/TT-BTC) hoặc việc cung cấp hàng hóa có kèm theo dịch vụ tiến hành tại Việt Nam như lắp đặt, chạy thử, bảo hành, bảo dưỡng, thay thế, các dịch vụ khác đi kèm với việc cung cấp hàng hóa (bao gồm cả trường hợp dịch vụ kèm theo miễn phí), kể cả trường hợp việc cung cấp các dịch vụ nêu trên có hoặc không nằm trong giá trị của hợp đồng cung cấp hàng hóa thì giá trị hàng hóa chỉ phải chịu thuế giá trị gia tăng khâu nhập khẩu theo quy định, phần giá trị dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Thông tư 69/2025/TT-BTC .

Trường hợp hợp đồng không tách riêng được giá trị hàng hóa và giá trị dịch vụ đi kèm (bao gồm cả trường hợp dịch vụ kèm theo miễn phí) thì thuế giá trị gia tăng được tính chung cho cả hợp đồng.

B - CÁC CÔNG VĂN HƯỚNG DẪN GIẢI ĐÁP



Ngày 18/7/2025 Cục Thuế ban hành Công văn 2541/CT-CS về chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp, theo đó:

Trường hợp Công ty đang được hưởng ưu đãi về thuế TNDN theo điều kiện địa bàn ưu đãi đầu tư, nhận được hàng hóa (công cụ, dụng cụ và nguyên vật liệu, sản phẩm hoàn chỉnh...) từ nhà cung cấp ở nước ngoài mà không phải thanh toán cho nhà cung cấp và giá trị hàng hóa không phải thanh toán trên xác định là khoản thu nhập khác, không phải là thu nhập phát sinh từ dự án đầu tư đang được hưởng ưu đãi theo điều kiện địa bàn ưu đãi đầu tư do vậy không được hưởng ưu đãi về thuế TNDN theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về thuế.

Ngày 24/7/2025 Văn phòng Chính phủ ban hành Công văn 6902/VPCP-KSTT về việc thực hiện một số thủ tục hành chính liên quan đến xuất khẩu, đầu tư, sản xuất, kinh doanh được phân cấp cho địa phương, theo đó:

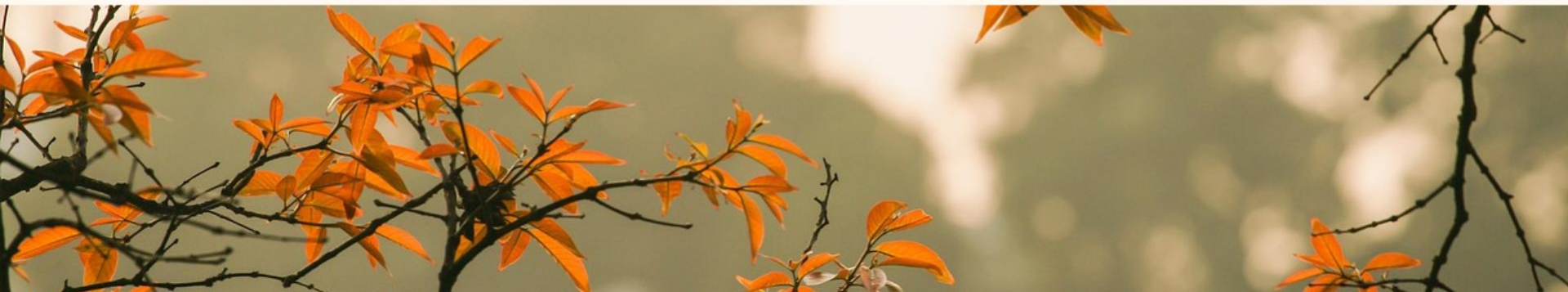
Thủ tướng Thường trực Chính phủ yêu cầu UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Chủ động rà soát, tổ chức triển khai ngay các nhiệm vụ, TTHC mới được phân cấp từ trung ương xuống địa phương, nhất là các TTHC liên quan đến xuất, nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa; phân công cơ quan, đơn vị chuyên môn thực hiện tiếp nhận, kiểm tra, xử lý các TTHC mới được phân cấp như: cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm xuất khẩu, cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa, giấy phép lưu hành tự do, giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với cơ sở có xuất khẩu ra thị trường nước ngoài..., hoàn thành trước ngày 31/7/2025;

Ngày 23/7/2025 Cục Thuế ban hành Công văn 2639/CT-CS về chính sách thuế giá trị gia tăng, theo đó:

Về nguyên tắc, trường hợp cơ sở kinh doanh trong tháng, quý có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng theo tháng, quý.

Cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng số thuế giá trị gia tăng đầu vào sử dụng cho sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu. Trường hợp không hạch toán riêng được thì số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu được xác định theo tỷ lệ giữa doanh thu của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu trên tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ của các kỳ khai thuế giá trị gia tăng tính từ kỳ khai thuế tiếp theo kỳ hoàn thuế liền trước đến kỳ đề nghị hoàn thuế hiện tại.

Theo quy định pháp luật quản lý thuế thì hồ sơ khai thuế tương ứng với từng loại thuế, người nộp thuế, phù hợp với phương pháp tính thuế, kỳ tính thuế. Trường hợp cùng một loại thuế mà người nộp thuế có nhiều hoạt động kinh doanh thì thực hiện khai chung trên một hồ sơ khai thuế, trừ một số trường hợp theo quy định, trong đó có trường hợp người nộp thuế đang hoạt động có dự án đầu tư thuộc diện được hoàn thuế giá trị gia tăng thì phải lập hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng riêng cho từng dự án đầu tư.



Ngày 24/6/2025 Cục Hải quan ban hành Công văn 15028/CHQ-NVTHQ về việc thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa nhập khẩu để xây dựng doanh nghiệp chế xuất, theo đó:

Trường hợp nhà thầu (đáp ứng quy định về khu phi thuế quan tại khoản 1 Điều 4 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13) nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài để xây dựng nhà xưởng, văn phòng làm việc, lắp đặt thiết bị cho DNCX (đáp ứng quy định về khu phi thuế quan tại khoản 1 Điều 4 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13) thì hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Trường hợp nhà thầu (không đáp ứng quy định về khu phi thuế quan tại khoản 1 Điều 4 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13) nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài để xây dựng nhà xưởng, văn phòng làm việc, lắp đặt thiết bị cho DNCX (đáp ứng quy định về khu phi thuế quan tại khoản 1 Điều 4 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13) thì phải kê khai, nộp thuế GTGT.

Ngày 30/7/2025, Cục Hải quan ban hành Công văn 16946/CHQ-GSQL hướng dẫn thủ tục hải quan đối với hàng hóa mua bán, thuê, mượn giữa doanh nghiệp nội địa và doanh nghiệp chế xuất.

Theo đó, Cục Hải quan nhận được báo cáo vướng mắc của một số Chi cục Hải quan khu vực về thủ tục hải quan đối với hàng hóa mua bán, thuê, mượn giữa doanh nghiệp nội địa và doanh nghiệp chế xuất. Đối với nội dung này, Cục Hải quan hướng dẫn các Chi cục Hải quan khu vực thực hiện như sau:

[1] Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 3 Luật số 90/2025/QH15, khoản 19 Điều 1 Nghị định 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025, trường hợp hàng hóa giao nhận giữa doanh nghiệp nội địa với doanh nghiệp chế xuất, giữa doanh nghiệp chế xuất với doanh nghiệp chế xuất theo chỉ định của thương nhân nước ngoài theo hợp đồng mua bán, gia công, thuê, mượn là hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ.

Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 86 Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 58 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC ngày 20/04/2018.





[2] Căn cứ quy định tại Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Quản lý ngoại thương và Luật Thương mại thì quan hệ mua bán, thuê, mượn hàng hóa giữa doanh nghiệp nội địa và doanh nghiệp chế xuất là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu. Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Chương II Thông tư 38/2015 sửa đổi bổ sung tại Thông tư 39/2018.

Để đảm bảo yêu cầu quản lý, theo dõi tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu và tự động xác nhận hàng qua khu vực giám sát, khi làm thủ tục hải quan, các Chi cục Hải quan khu vực hướng dẫn doanh nghiệp như sau:

- Doanh nghiệp xuất khẩu mở tờ khai xuất khẩu, doanh nghiệp nhập khẩu mở tờ khai nhập khẩu theo loại hình tương ứng. Doanh nghiệp xuất khẩu khai “#&XKTC” tại ô “Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp” trên tờ khai xuất khẩu; doanh nghiệp nhập khẩu khai “#&NKTC#&Số tờ khai xuất khẩu tương ứng của doanh nghiệp xuất khẩu (11 ký tự đầu)” tại ô “Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp” trên tờ khai nhập khẩu.

- Chính sách thuế: thực hiện như đối với hàng hóa xuất nhập khẩu thương mại.

- Chính sách kiểm tra chuyên ngành: Thực hiện theo quy định về quản lý hàng hóa giữa nội địa và khu vực hải quan riêng tại Luật Quản lý ngoại thương và quy định tại pháp luật chuyên ngành.

[3] Trường hợp mua bán, thuê mượn hàng hóa giữa hai doanh nghiệp chế xuất với nhau và cùng lựa chọn thực hiện thủ tục hải quan thì thực hiện theo hướng dẫn tại mục [2].

Chính sách kiểm tra chuyên ngành thực hiện theo quy định về mua bán hàng hóa giữa các khu vực hải quan riêng tại Luật Quản lý ngoại thương và quy định tại pháp luật chuyên ngành.

Ngày 31/7/2025 Bộ Tài Chính ban hành Công văn 11744/BTC-QLKT năm 2025 tổ chức bộ máy kế toán và đăng ký chữ ký kế toán trưởng của đơn vị tại Kho bạc Nhà nước, theo đó:

1. Tổ chức bộ máy kế toán tại đơn vị sử dụng ngân sách:

Các đơn vị phải bố trí kế toán trưởng (hoặc người phụ trách kế toán) theo quy định tại Luật Kế toán 2015 và các văn bản hướng dẫn liên quan.

Trong trường hợp không có đủ điều kiện bổ nhiệm kế toán trưởng, đơn vị phải bố trí người phụ trách kế toán và báo cáo cơ quan chủ quản.

2. Đăng ký chữ ký kế toán trưởng với Kho bạc Nhà nước (KBNN):

Kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán phải thực hiện đăng ký chữ ký tại KBNN nơi đơn vị giao dịch để đảm bảo việc kiểm soát, thanh toán ngân sách.

Việc đăng ký bao gồm: Họ tên, chức vụ, mẫu chữ ký, thời gian đảm nhiệm chức vụ.

Trường hợp có thay đổi kế toán trưởng, đơn vị phải cập nhật lại thông tin đăng ký với KBNN kịp thời.

3. Trách nhiệm của các đơn vị và Kho bạc Nhà nước:

Các đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước phải nghiêm túc thực hiện việc tổ chức bộ máy kế toán đúng quy định.

Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký chữ ký kế toán trưởng, từ chối thanh toán nếu không đảm bảo đúng quy định.





Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin trên Bản tin của Công ty Kiểm toán CPA VIETNAM được chúng tôi cập nhật từ các văn bản pháp quy do các cơ quan nhà nước ban hành trên các phương tiện thông tin đại chúng và cho mục đích tham khảo. Bản tin này nhằm chuyển tới Quý vị các thông tin khái quát không bao gồm toàn bộ các nội dung cụ thể có liên quan và không được sử dụng như các thông tin tư vấn cụ thể. Các tổ chức, cá nhân nếu muốn áp dụng các quy định khái quát trong tài liệu này vào trường hợp cụ thể nào đó đều cần phải có sự tham khảo ý kiến của các chuyên gia tư vấn của chúng tôi. Do vậy, Công ty Kiểm toán CPA VIETNAM sẽ không chịu bất cứ thiệt hại do kết quả của việc người đọc chỉ dựa vào các thông tin khái quát trong tài liệu này.

Trụ sở chính

Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG
Building, 235 Nguyễn Trãi, P.
Khương Đình, TP. Hà Nội.
Tel : 024 3783 2121
Fax: 024 3783 2122

CN. Miền Bắc

Số 97 Trần Quốc Toản, Phường
Cửa Nam, TP. Hà Nội.
Tel : 024 7306 1268
Fax: 024 7306 1269

VP. Đại diện

Tầng 3, tòa B Cao ốc Văn
phòng VG Building, 235
Nguyễn Trãi, P. Khương Đình,
TP. Hà Nội.
Tel : 024 6666 6368
Fax: 024 6666 6368

CN. Miền Nam

Tầng 4, Cao ốc Văn phòng
Hoàng Anh Safomec, 7/1 Thành
Thái, P. Diên Hồng, TP. Hồ Chí
Minh.
Tel : 028 3832 9969
Fax: 028 3832 9959